TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 819/2022/DS-PT
Ngày: 23/12/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Huyền

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 398/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 412/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5916/2022/QĐ-PT ngày 23/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15958/2022/QĐ-PT ngày 14/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Mẫn K, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Số 151B Quốc lộ Q, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H

Địa chỉ liên lạc: 0343 hương lộ E, khu phố A, phường A, thị xã Y, tỉnh T

2. Bị đơn: Bà Đỗ Ngọc P, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 66B đường I, ấp Y, xã T, huyện C, Thành phố H(có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hồng K, sinh năm 1936 (có mặt)

Địa chỉ: Số 173/6 đường O, phường E, quận R, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 09 đường L, phường K, quận G, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Luật sư Nguyễn Đình T - Công ty Luật TNHH P thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người làm chứng:

3.1. Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số 285, tổ Q, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố H

3.2. Ông Lâm Đức T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: 63/10 đường S, Phường D, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh

3.3. Bà Lâm Thị R, sinh năm 1959

Địa chỉ: Ấp U, xã T, huyện C, Thành phố H(vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn Bà Đỗ Ngọc P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp ngày 18/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ông Trần Mẫn K trình bày:

Ngày 30/8/2019 Ông Trần Mẫn K cho Bà Đỗ Ngọc P vay số tiền 70.000.000 đồng để lo việc tranh chấp đất của bà, ông đã giao đủ tiền cho bà P, bà P và ông có lập giấy vay tiền và cùng ký tên. Bà P hẹn sau 3 tháng là ngày 30/11/2019 sẽ trả hết số tiền trên cho ông K. Nhưng đến nay bà P vẫn không trả số tiền đã vay cho ông K. Nay ông K yêu cầu Tòa án xem xét buộc cá nhân Bà Đỗ Ngọc P trả lại cho ông Trần Mẫn K số tiền gốc 70.000.000 đồng, trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực, không yêu cầu bà P trả tiền lãi. Số tiền này là tiền riêng của ông không liên quan đến ai khác, đồng thời không yêu cầu ai khác cùng chịu trách nhiệm với bị đơn trả cho ông. Tổng cộng trong số tiền 70.000.000 đồng bà chỉ nhận số tiền 56.000.000 đồng.

Bị đơn Bà Đỗ Ngọc P trình bày: Bà trình bày có mượn ông K số tiền 70.000.000 đồng, vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần hằng tháng số tiền là 500.000 đồng trả khi nào hết số tiền trên. Nhưng sau đó và tại phiên tòa bà trình bày qua sự giới thiệu của Bà Lâm Thị R thì bà có vay ông K số tiền 70.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng và tính đến tháng 10/2020 bị đơn bà P đã trả cho ông K 98.000.000 đồng tiền lãi, vượt quá số tiền gốc mà bị đơn bà P đã vay của nguyên đơn ông K, do đó bị đơn bà P không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn. Ngoài ra bà P trình bày ngày 30/8/2019 ông K cho bà vay số tiền 50.000.000 đồng, ông K giao cho bà R, bà R lấy tiền hoa hồng là 5.000.000 đồng (bà R và ông Khánh chia nhau) và bà R giao cho ông K tiền lãi trước với lãi suất 10% tức là 5.000.000 đồng bà R giao lại cho bà số tiền là 40.000.000 đồng. Khoảng 01 hay 02 ngày sau bà mượn thêm số tiền là 20.000.000 đồng, ông K giao cho bà R, bà R lấy tiền hoa hồng là 2.000.000 đồng (bà R và ông Khánh chia nhau) và bà R giao cho ông K tiền lãi trước với lãi suất 10% tức là 2.000.000 đồng bà R giao lại cho bà số tiền là 16.000.000 đồng.

Ông Lê Hồng K là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Hình thức giấy cho vay tiền không đúng hình thức và bà P có trả tiền lãi cho ông K 98.000.000 đồng, tại bản tự khai ngày 10/5/2021 ông K trình bày do bà P khó khăn nên cho bà P góp số tiền 1.000.000 đồng từ tháng 06/2021 cho đến khi hết 70.000.000 đồng. Nhưng tại phiên tòa trình bày ông K đã nhận từ bà P 98.000.000 đồng nên bà P không đồng ý trả 70.000.000 đồng theo yêu cầu của ông K.

Người làm chứng Bà Huỳnh Thị L trình bày: Do quen biết nên bà có cho bà L mượn 03 lần số tiền 7.000.000 đồng tức là 21.000.000 đồng, bà P nói là trả tiền lãi cho ông K và bà P cầm tiền ra đưa cho ông K cách bà L 10m, không ý kiến gì về số tiền mà bà cho bà P mượn trong vụ án này. Việc bà P vay tiền của ông K và thỏa thuận như thế nào thì bà L không biết, chỉ nghe bà P nói là vay ông K số tiền 70.000.000 đồng hằng tháng trả 7.000.000 đồng và mượn tiền tôi để trả cho ông K, bà L không trực tiếp giao cho ông K.

Người làm chứng Ông Lâm Đức T trình bày tại phiên tòa sơ thẩm: Ông có mối quan hệ làm ăn chung với bà P, sau đó bà P mới kể việc nợ nần, nên ông mới biết việc vay tiền của bà P và ông có cho bà P mượn tiền 02 lần, mỗi lần 7.000.000 đồng và theo lời kể của bà P là trả tiền lãi cho ông K, ông không ý kiến gì về số tiền mà ông cho bà P mượn trong vụ án này. Việc bà P vay tiền của ông K và thỏa thuận như thế nào thì ông không biết, chỉ nghe bà P nói là vay ông K số tiền 70.000.000 đồng hằng tháng trả 7.000.000 đồng và mượn tiền tôi để trả cho ông K, ông không trực tiếp giao cho ông K.

Người làm chứng Bà Lâm Thị R vắng mặt tại phiên tòa và trình bày tại đơn xin vắng mặt là bà không liên quan đến vụ án, không biết gì về việc vay mượn giữa Bà Đỗ Ngọc P và Ông Trần Mẫn K.

Tại Bản án số 412/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 105, 119, 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn:

Buộc cá nhân Bà Đỗ Ngọc P phải trả cho Ông Trần Mẫn K số tiền là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Thời gian và cách trả: Trả một lần ngay khi bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Ngọc P phải chịu án phí là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm ngàn) đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền đã nộp là 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0085487 ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ Thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/8/2022 bị đơn Bà Đỗ Ngọc P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo Bà Đỗ Ngọc P trình bày: Bà xác nhận sự việc vay nợ và giấy vay nợ như ông K trình bày. Đến nay, bà xác nhận nợ của ông K theo giấy nợ ngày 30/8/2019 là 70.000.000 đồng. Thực tế hai bên thỏa thuận lãi là 10% tháng và bà đã trả lãi được 14 lần tổng cộng đã trả 98.000.000 đồng. Do đó, bà không đồng ý trả tiền nợ gốc cho ông K.

Trong vụ án này Bà Lâm Thị R là người biết rõ sự việc nhưng do bà R có mượn tiền của ông K nên không dám ra làm chứng nên bà không chứng minh được việc này.

Luật sư Nguyễn Đình Thế trình bày: Bị đơn thừa nhận số tiền này vay 70.000.000 đồng. Về số tiền lãi: Bà P đã trả 14 lần mỗi lần 7.000.000 đồng tương đương 98.000.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà P.

Nguyên đơn Ông Trần Mẫn K trình bày: Hai bên không thỏa thuận số tiền lãi như bà P trình bày. Lời khai của người làm chứng là bà L không thống nhất, tại cấp phúc thẩm bà L khai bà cho bà P vay 28.000.000 đồng làm 4 lần là không thống nhất với lời khai tại cấp sơ thẩm là chỉ cho bà P vay 3 lần 21.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà P trả số nợ 70.000.000 đồng một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Người làm chứng Bà Huỳnh Thị L trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà thay đổi lời khai về số tiền bà P vay của bà 4 lần tổng cộng là 28.000.000 đồng. Theo bà P vay là để trả lãi cho khoản nợ 70.000.000 đồng của ông K. Bà thấy bà P đưa tiền lãi cho ông K. Việc bà thay đổi lời khai là do trước đây bà không hiểu biết việc phải khai chính xác nên nay bà xác định lại lời khai của mình.

Người làm chứng Ông Lâm Đức T trình bày: Ông cho bà P mượn 02 lần số tiền 14.000.000 đồng. Ông chứng kiến việc bà P đưa tiền lại cho ông K 02 lần trước cổng Ủy ban nhân dân xã Tân Thông Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Kháng cáo kháng nghị trong thời hạn qui định của pháp luật

Về nội dung: Việc khởi kiện của ông K căn cứ giấy nợ ngày 30/8/2019. Phía bà P không chứng minh được các bên có thảo thuận lãi suất số tiền thực tế trả lãi. Lời khai của người làm chứng là Ông Lâm Đức T và Bà Huỳnh Thị L không thống nhất tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm bà P không có chứng cứ gì khác chứng minh cho nội dung kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà P, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hạn kháng cáo: Ngày 23 tháng 8 năm 2022, Toà án nhân dân huyện Củ Chi tuyên bản án số 412/2022/DS-ST. Ngày 30 tháng 8 năm 2022, bị đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Kháng cáo của bà P là trong thời hạn qui định tại hoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú tại huyện Củ Chi nên Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng:

Ông K và bà P trình bày việc giao nhận tiền thực hiện tại nhà của ông Văn Công Khánh là anh họ của ông K nhưng ông Khánh không biết gì về việc vay tiền giữa ông K và bà P, ông K và bà P không yêu cầu Tòa án triệu tập ông Khánh với tư cách người làm chứng nên cấp sơ thẩm không đưa ông Khánh vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

Việc vay nợ giữa ông K và bà P là tiền riêng, không liên quan đến vợ của ông K là bà Dương Mỹ N và chồng của bà P. Ông K kiện cá nhân bà P thanh toán nợ, cấp sơ thẩm không đưa bà N và chồng bà P vào tham gia tố tụng là phù hợp.

[1.4] Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[1.5] Về sự vắng mặt của các đương sự: Người làm chứng Bà Lâm Thị R đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét đã có đủ lời khai của người làm chứng tại cấp sơ thẩm và việc vắng mặt người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Đỗ Ngọc P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử sửa án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ông Trần Mẫn K.

[2.1] Căn cứ Giấy cho vay tiền đề ngày 30/8/2019 do Ông Trần Mẫn K cung cấp cho Tòa án thể hiện ông K có cho bà P vay số tiền là 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 30/8/2019 đến ngày 30/11/2019, bà P thừa nhận chữ ký tên và điểm chỉ trên giấy vay tiền là của bà. Bà P và ông K xác định hai bên chỉ ký 01 giấy cho vay tiền duy nhất do ông K giữ và cung cấp cho Tòa án.

Tuy hai bên không ký giấy biên nhận nhận tiền nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại bản tường trình ngày 02/02/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm bà P xác định lúc đầu vay ông K 50.000.000 đồng, sau đó 10 ngày thì vay thêm ông K 20.000.000 đồng. Cả hai lần vay tiền ghi trong Giấy cho vay tiền ngày 30/8/2019. Nay vì hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần hằng tháng 500.000 đồng đến khi hết số tiền trên (Bút lục 129). Có cơ sở xác định giữa các bên ký hợp đồng vay tiền, có thời hạn vay. Hai bên đã thực hiện việc giao nhận tiền vay này.

Mặc dù bà P nhiều lần thay đổi lời khai, cụ thể: Tại biên bản đối chất ngày 18/4/2022 bà P khai có nhận tiền từ ông K số tiền là 70.000.000 đồng nhưng bà R là người nhận 10.000.000 đồng, bà P nhận lại 60.000.000 đồng và tại phiên tòa sơ thẩm bà P trình bày bà không nhận đủ số tiền 70.000.000 đồng từ ông K. Số tiền 14.000.000 đồng còn lại trừ tiền lãi trả cho ông K 5.000.000 đồng, thực tế bà chỉ nhận 56.000.000 đồng và tiền hoa hồng của bà R (bút lục 128 - 129) nhưng những lời khai này của bà P không đươc ông K và bà R thừa nhận. Bà P không có chứng cứ khác để chứng minh nên không có căn cứ để xem xét.

[2.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P xuất trình chứng cứ là Giấy cho vay ngày 30/8/2019. Chứng cứ này bà P và ông K đều xác định là bản nháp đã bỏ và bà P giữ lại. Xét, nội dung Giấy cho vay này thể hiện ông K có cho bà P vay số tiền là 50.000.000 đồng cộng 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng từ ngày 30/8/2019 đến ngày 30/11/2019, không thỏa thuận lãi suất, bà P xác định có ký tên và điểm chỉ vào giấy vay tiền, ông K có ký vào giấy vay tiền nhưng sau đó gạch xóa viết lại vay số tiền 70.000.000 đồng. Giấy cho vay do bà P xuất trình này có nội dung phù hợp với giấy cho vay do ông K xuất trình tại Tòa.

[2.3] Về tiền lãi: Theo trình bày của bà Phương thì thực tế hai bên có thỏa thuận lãi là 10% tương đương 7.000.000.000 đồng/ tháng. Bà đã trả tiền lãi cho ông K 14 tháng với tổng số tiền lãi là 98.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà P không cung cấp đươc tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình và những lời khai này cũng không đươc ông K thừa nhận.

Cấp sơ thẩm đã triệu tập hai người làm chứng theo yêu cầu của bà P là Bà Huỳnh Thị L và Ông Lâm Đức T làm chứng việc bà P trả tiền lãi cho ông K. Tuy nhiên, bà L và ông T chỉ xác định việc có cho bà P mượn tiền để trả nợ, nhưng không biết và chứng kiến việc trả lãi của bà P và ông K (bút lục số 119).

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm bà L và ông T thay đổi lời khai về việc có chứng kiến việc bà P giao tiền lãi cho ông K, bà L xác định lại số tiền bà cho bà P vay là 28.000.000 đồng. Xét lời khai người làm chứng tại cấp sơ thẩm đã được Tòa án sơ thẩm đối chất. Tại phiên tòa phúc thẩm, người làm chứng thay đổi lời khai là không đảm bảo tính xác thực. Ngoài lời khai này, bà P cũng không có tài liệu chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xem xét. Ông T và bà L không có yêu cầu bà P thanh toán trong vụ án này nên cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ cho Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 412/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Ngọc P phải chịu án phí là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm ngàn) đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền đã nộp là 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0085487 ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về án phí Dân sự phúc thẩm: Theo qui định tại Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội Bà Đỗ Ngọc P phải nộp là 300.000 đồng nhưng đươc trừ theo biên lai tạm nộp số AA/2021/0045279 ngày 6/90/2022 của Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 105, 119, 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận kháng cáo của Bà Đỗ Ngọc P.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 412/2022/DS-ST ngày 23/8/2022 của Toà án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn:

Buộc Bà Đỗ Ngọc P phải trả cho Ông Trần Mẫn K số tiền là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Ngọc P phải chịu án phí là 3.500.000 (Ba triệu năm trăm ngàn) đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn số tiền đã nộp là 1.750.000 (Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0085487 ngày 12/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đỗ Ngọc P phải nộp là 300.000 đồng nhưng đươc trừ theo biên lai tạm nộp số AA/2021/0045279 ngày 6/90/2022 của Cục Thi hành án Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND huyện Củ Chi;
- Cục THADS TPHCM;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (T/18).

Đặng Huyền Phương